

BÁO CÁO**thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh****tại kỳ họp thứ 14 - HĐND tỉnh khoá VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định và phân công của Thường trực HĐND tỉnh; sau khi nghiên cứu 8 báo cáo, 18 tờ trình và 22 dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 14 - HĐND tỉnh, kết hợp tổ chức giám sát, khảo sát, hội nghị tham vấn với một số ngành, địa phương; Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định một số nội dung như sau:

Phần 1. Báo cáo tình hình KTXH năm 2022 và kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 (Báo cáo số 242/BC-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh)

I. Về thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2022

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 của UBND tỉnh trình tại kỳ họp. Khẳng định nội lực nền kinh tế của tỉnh nhà đã có những chuyển biến tích cực; những giải pháp khơi thông các điểm nghẽn, kịp thời xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; kích hoạt các nguồn lực, dư địa để phục hồi và phát triển kinh tế. Kết quả, trong hệ thống 20 chỉ tiêu kế hoạch KTXH đề ra trong năm 2022, đã có 14 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra; có 06 chỉ tiêu tuy chưa đạt kế hoạch nhưng đã tiệm cận đến mục tiêu đặt ra và có mức tăng so với cùng kỳ. Trong đó, lĩnh vực kinh tế, môi trường có 10/14 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch¹ đề ra, đặc biệt chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 7,17% vượt kế hoạch đề ra (KH 6,5-7%); khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có mức tăng trưởng dương đạt 1,09% đây là nỗ lực cố gắng đáng ghi nhận trong công tác điều hành, tổ chức sản xuất của các địa phương và bà con nông dân trong tỉnh.

Bên cạnh những kết quả chung đạt được, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh báo cáo giải trình chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người trong mối quan hệ với tốc độ tăng trưởng; bổ sung để làm rõ kết quả triển khai các nhiệm vụ: Hoạt động và quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ nước sạch hiện nay trên

¹ 10 Chỉ tiêu đạt và vượt KH gồm: GRDP 7,17% (KH 6,5-7%); Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 27.115 tỷ đồng (KH 24.000 tỷ đồng); Tổng thu NSNN trên địa bàn 4520 Tỷ đồng (KH 4.150 Tỷ đồng); Trồng rừng tập trung 10.100 ha (KH 7.000 ha); SL DN thành lập mới 500 DN (KH 420DN); Tỷ lệ hộ GD nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh 95,12% (KH 93,48); Tỷ lệ dân thành thị sử dụng nước sạch 95,2% (KH 95%); Tỷ lệ xã đạt tiêu chí QG về NTM 68,3% (KH 68,3%); Tỷ lệ độ che phủ rừng 49,9% (KH 49,9); Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn 96% (KH 96%).

địa bàn tỉnh, nhất là khu vực nông thôn. Từ đó xác định tính chính xác, đúng thực tế tỷ lệ gia đình nông thôn sử dụng nước sạch năm 2022 đạt 95,12/KH 93,48%. Biện pháp khắc phục khó khăn, tồn tại, vướng mắc chậm được giải quyết đối với việc thực hiện nhiệm vụ thu hút đầu tư; tiến độ triển khai thực hiện các dự án động lực, các công trình trọng điểm, các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh hiện nay. Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên khoáng sản; kết quả thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh hiện nay; biện pháp xử lý tình trạng khan hiếm đất làm vật liệu san lấp và chậm điều chỉnh giá vật liệu xây dựng thông thường. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công; trong đó quản lý, sử dụng trụ sở làm việc và sắp xếp lại, xử lý nhà đất, thu tiền thuê đất đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính còn vướng mắc; tình trạng thừa, thiếu, xuống cấp trụ sở làm việc cấp xã sau khi sáp nhập chưa được giải quyết hợp lý.

II. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

1. Về chỉ tiêu: So với năm 2022, hệ thống 18 chỉ tiêu của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giảm 2 chỉ tiêu (*Trong đó, đưa ra khỏi hệ thống 3 chỉ tiêu về: Tổng sản lượng thủy sản; Trồng rừng tập trung; Số doanh nghiệp thành lập mới và bổ sung chỉ tiêu Chỉ số sản xuất công nghiệp*). Sau khi phân tích, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với hệ thống 18 chỉ tiêu, riêng chỉ tiêu "**số danh nghiệp thành lập mới**" đề nghị HĐND tỉnh cho thay thế bằng chỉ tiêu "**Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong năm**" để hàng năm có đánh tình hình doanh nghiệp nhằm phản ánh nội lực của nền kinh tế.

2. Về giải pháp: Ngoài các giải pháp do UBND tỉnh trình tại kỳ họp, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung các giải pháp có tính tập trung để tổ chức thực hiện gồm:

- Hoàn chỉnh quy hoạch tỉnh gắn với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng huyện, quy hoạch liên vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch ngành khác để tích hợp vào quy hoạch tỉnh.

- Tập trung chỉ đạo nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai; thực hiện có hiệu quả công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính thường xuyên; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai lên dữ liệu tài nguyên dùng chung tạo điều kiện thuận lợi cho các sở ngành, địa phương, người dân và doanh nghiệp khi giao dịch hành chính.

- Tập trung hỗ trợ về thủ tục để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án động lực, dự án trọng điểm, đặc biệt các dự án dự kiến triển khai trong năm như Cảng hàng không Quảng Trị, Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây, Cảng Mỹ Thủy, Khu Công nghiệp Quảng Trị (VSIP 8) và các dự án năng lượng, điện khí... Rà soát các dự án chậm tiến độ hoặc không triển khai thực hiện để điều chỉnh hoặc thu hồi giấy phép đầu tư, làm lành mạnh môi trường thu hút đầu tư tạo thuận lợi cho đón nhận làn sóng đầu tư mới khi kinh tế đã phục hồi. Thực hiện các cơ chế hỗ trợ về đất đai, thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng, mở vật

liệu san lấp... để giúp nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ các dự án quan trọng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Thúc đẩy thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân và phát triển thị trường thương mại nông thôn.

- Tập trung triển khai có hiệu quả công tác quy hoạch, cấp phép khai thác vật liệu xây dựng thông thường, đất đắp; công tác quản lý giá vật liệu xây dựng và các những kiến nghị, đề xuất để tháo gỡ khó khăn về công tác đền bù giải phóng mặt bằng, đất đắp các công trình, giá cả vật liệu xây dựng cho các công trình/ dự án đang thi công hiện nay.

- Đẩy nhanh việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất trên địa bàn tỉnh; rà soát hoàn thiện các pháp lý về nhà đất để các đơn vị sự nghiệp công lập chủ động trong thực hiện nhiệm vụ và nghĩa vụ thu nộp ngân sách nhà nước; đồng thời có đề án tổng thể về lộ trình thực hiện chế độ tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công.

- Duy trì ổn định chỉ tiêu diện tích đất trồng lúa để bảo đảm an ninh lương thực theo Chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 về phân bổ quy hoạch sử dụng đất Quốc gia 2021-2030.

Phần 2. Về ngân sách

I. Báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị năm 2021 (Báo cáo số 255/BC-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

- Tổng thu ngân sách địa phương được hưởng: 12.522.278,04 triệu đồng;
- Tổng chi ngân sách địa phương: 12.497.034,10 triệu đồng;
- Cân đối ngân sách địa phương: 25.243,94 triệu đồng, gồm:
 - + Kết dư ngân sách tỉnh: 2.387,64 triệu đồng;
 - + Kết dư ngân sách cấp huyện: 14.394,74 triệu đồng;
 - + Kết dư ngân sách cấp xã: 8.461,55 triệu đồng.

Quyết toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2021 đã được Kiểm toán Nhà nước kết luận tại báo cáo đính kèm Văn bản số 611/KTNN-TH ngày 20/10/2022 của Kiểm toán Nhà nước khu vực II và đã được đối chiếu số liệu với Kho bạc Nhà nước tỉnh; đề nghị HĐND tỉnh phê chuẩn.

II. Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh năm 2021 (Báo cáo số 249/BC-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

- Tổng tài sản: 29.357.365 triệu đồng;

- Tổng số nợ phải trả: 900.750 triệu đồng.
- Tổng nguồn vốn: 28.456.615 triệu đồng

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh giao UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo bố trí trả các khoản nợ phải trả theo lộ trình cam kết; đồng thời đôn đốc thực hiện các khoản phải thu về ngân sách tỉnh bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách.

III. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP năm 2022 và dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP năm 2023 (*Báo cáo số 257/BC-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh*)

1. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP năm 2022

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước thực hiện đến 31/12/2022 (*loại trừ khoản thu nộp trả khoản chi năm trước của Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông 67,152 tỷ đồng*): 4.520,516 tỷ đồng/DTĐP 4.150 tỷ đồng, đạt 109% dự toán địa phương và 132% dự toán Trung ương. Trong đó: Thu nội địa: 3.768,516 tỷ đồng/DTĐP 3.500 tỷ đồng, đạt 108% dự toán địa phương và 136% dự toán Trung ương. Năm 2022, thu ngân sách trên địa bàn và thu ngân sách địa phương hưởng toàn tỉnh ước thực hiện năm 2022 hoàn thành vượt dự toán giao, tuy nhiên số thu ngân sách vượt dự toán chủ yếu ở ngân sách cấp huyện; một số khoản thu đánh giá không đạt dự toán giao: thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (đạt 96% dự toán địa phương); thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (95% dự toán địa phương); thuế bảo vệ môi trường (51% dự toán địa phương); thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản (78% dự toán địa phương).

- Tổng chi NSDP ước thực hiện: 12.529,104 tỷ đồng/DT 9.441,84 tỷ đồng, đạt 133% dự toán địa phương và 145% dự toán Trung ương, bằng 99% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: Chi cân đối ngân sách: 7.990,472 tỷ đồng đạt 107% dự toán địa phương và 118% dự toán Trung ương, bằng 116% so với cùng kỳ năm trước. Về công tác điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, linh hoạt, bám sát dự toán được giao, theo tiến độ thu ngân sách và tiến độ triển khai thực hiện của các chủ đầu tư, đơn vị sử dụng ngân sách; đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách; đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội, các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương. Tuy nhiên, giải ngân vốn đầu tư công nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư nguồn NSNN và 03 chương trình mục tiêu quốc gia còn thấp. Nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ ở một số lĩnh vực chưa đáp ứng được.

- Đề nghị UBND dân tỉnh chỉ đạo đề xuất phương án, xử lý dứt điểm các khoản nợ thuế kéo dài nhiều năm như: Khoản nợ thuế tài nguyên khi bán đấu giá

gỗ tịch thu của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tỉnh (2.170.670.136 đồng)²; Chênh lệch số thu khi chuyển từ thu phí không chịu thuế GTGT sang thu sản phẩm dịch vụ chịu thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Đông Hà 1.665.675.095 đồng (Trong đó: Thuế TNDN 47.725.283 đồng; Thuế GTGT 1.405.650.283 đồng; tiền chậm nộp 212.299.529 đồng); tiền chậm nộp khoản cổ tức của Công ty nước sạch Quảng Trị (155.572.659 đồng). Chỉ đạo ngành Thuế và động viên đối tượng nộp thuế nộp đúng, nộp đủ các sắc thuế về ngân sách; chống nợ đọng thuế; trốn thuế, phấn đấu vượt thu ngân sách cao hơn số dự kiến hiện nay.

2. Dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP năm 2023

a) Dự toán tổng thu NSNN trên địa bàn: 4.050 tỷ đồng. Trong đó, thu nội địa 3.400 tỷ đồng, thu XNK 650 tỷ đồng. Trong nguồn thu nội địa dự kiến thu tiền sử dụng đất 800 tỷ đồng (cấp tỉnh 410 tỷ đồng; cấp huyện 390 tỷ đồng); thu xổ số kiến thiết 40 tỷ đồng.

b) Về dự toán chi NSDP quản lý: 9.520,199 tỷ đồng. Trong đó, chi đầu tư phát triển: 1.394,012 tỷ đồng; chi thường xuyên: 5.443,502 tỷ đồng; chi trả nợ lãi các khoản địa phương vay: 5,176 tỷ đồng; chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: 01 tỷ đồng; Chi dự phòng: 163,111 tỷ đồng; nguồn thực hiện cải cách chính sách tiền lương ngân sách cấp tỉnh: 98,487 tỷ đồng; chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các chương trình mục tiêu, chương trình MTQG: 2.245,948 tỷ đồng; chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện thực hiện các Nghị quyết HĐND tỉnh và hỗ trợ một số chính sách, nhiệm vụ: 168,963 tỷ đồng.

c) Cân đối ngân sách địa phương năm 2023:

Năm 2023, việc cân đối ngân sách để phân bổ, giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục gặp nhiều khó khăn, nguồn lực dự toán năm 2023 vẫn không đáp ứng được nhu cầu chi, **thiếu hụt khoảng 96 tỷ đồng.**

- Tổng nguồn thu NSDP: 9.447,499 tỷ đồng, gồm:

+ Thu NSDP hưởng theo phân cấp: 3.139 tỷ đồng.

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 6.212,499 tỷ đồng.

+ Thu chuyển nguồn; kinh phí thực hiện nhiệm vụ, chính sách địa phương năm trước chuyển sang để thực hiện và cân đối dự toán năm 2023: 96 tỷ đồng.

- Tổng chi NSDP: 9.520,199 tỷ đồng

- Bội chi ngân sách địa phương: 72,7 tỷ đồng.

² Ngày 30/12/2019 Sở Tài chính đã có văn bản số 4528/TB-STC đề nghị UBND tỉnh Chỉ đạo Cục Thuế tỉnh không thực hiện việc truy thu khoản thuế tài nguyên của Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tỉnh; Ngày 05/12/2022 Sở Tư pháp có văn bản số 2211/CV-STP về việc đề nghị không truy thu thuế tài nguyên đối với gỗ rừng tự nhiên bị tịch thu.

3. Kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh

- Thống nhất hỗ trợ tăng thêm kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn với mức 03 triệu đồng/tổ chức/năm, với tổng kinh phí 1,875 tỷ đồng (Mức hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã bố trí trong dự toán ngân sách năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách là 12 triệu đồng/tổ chức/năm).

- Giao UBND tỉnh tổ chức rà soát các quy định về phí, lệ phí (danh mục, mức thu các khoản phí, lệ phí; tỷ lệ để lại, nộp ngân sách các khoản phí) trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh (theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Quảng Trị) trong đó bổ sung phí hạ tầng cửa khẩu đối với phương tiện tạm nhập, tái xuất trình HĐND tỉnh xem xét tại kỳ họp sắp đến.

- Sau khi trừ các khoản thu có tính chất đột biến, năm 2023 số thu do UBND tỉnh đề xuất HĐND tỉnh giao thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 4.050 tỷ đồng thấp hơn số HĐND tỉnh giao thực hiện năm 2022 là 100 tỷ đồng, để bù đắp hụt cân đối. Đề nghị HĐND tỉnh giao thu NSNN trên địa bàn năm 2023 là **4.150 tỷ đồng** (Trong đó, thu nội địa 3.500 tỷ đồng, thu XNK 650 tỷ đồng) bằng số giao năm 2022. Số dự toán tăng dự kiến từ nguồn thu phí hạ tầng cửa khẩu đối với phương tiện tạm nhập tái xuất và nguồn thu từ bia Camel.

IV. Kế hoạch tài chính 3 năm tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023 - 2025 (Báo cáo số 258/BC-UBND ngày 22/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Kế hoạch tài chính 3 năm tỉnh Quảng Trị được xây dựng trên cơ sở các quy định của Luật ngân sách nhà nước, hướng dẫn hiện hành; dự toán thu, chi NSNN năm 2022; tình hình vay, trả nợ của chính quyền địa phương 03 năm 2023-2025 và dự kiến mức tăng thu ngân sách là phù hợp, sát đúng thực tế địa phương.

- Tổng thu NSNN trên địa bàn 03 năm 2023-2025: 13.846,787 tỷ đồng; trong đó: Thu nội địa: 11.896,787 tỷ đồng; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 1.950 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương 03 năm 2023-2025: 30.456,105 tỷ đồng; trong đó, tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 22.423,464 tỷ đồng; tổng chi chương trình mục tiêu và các nhiệm vụ khác từ nguồn NSTW hỗ trợ có mục tiêu: 7.525,752 tỷ đồng; chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện thực hiện các Nghị quyết HĐND tỉnh và hỗ trợ một số chính sách, nhiệm vụ: 506,889 tỷ đồng.

- Kế hoạch vay nợ chính quyền địa phương giai đoạn 2023-2025:

+ Dự nợ đầu kỳ (đầu năm 2023) dự kiến: 180,012 tỷ đồng.

+ Trả nợ gốc 03 năm 2023-2025 dự kiến: 69,051 tỷ đồng.

- + Tổng mức vay của NSDP 03 năm 2023-2025 dự kiến: 510,248 tỷ đồng.
- + Dư nợ cuối kỳ (cuối năm 2025) dự kiến: 621,210 tỷ đồng.
- + Tỷ lệ dư nợ cuối kỳ/mức dư nợ tối đa (%): 74%
- + Bội chi NSDP cả giai đoạn: 441,067 tỷ đồng

Đề nghị HĐND tỉnh giao UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch tài chính 5 năm 2021-2025 tại Nghị quyết 155/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 phù hợp với kết quả thực hiện của hai năm vừa qua.

Phần 3. Về đầu tư công

I. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí (Tờ trình số 232/TTr-UBND ngày 21/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất: Điều chỉnh giảm nguồn phục vụ nhiệm vụ quy hoạch 6.600 triệu đồng, kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh còn 23.400 triệu đồng, để bổ sung vốn quyết toán dự án hoàn thành 6.600 triệu đồng, kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh là 22.600 triệu đồng.

II. Phê duyệt chủ trương đầu tư

1. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án

a) Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà (Tờ trình số 227/TTr-UBND ngày 21/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Việc đề nghị điều chỉnh nhằm phù hợp với thời gian thực hiện và khả năng cân đối vốn của dự án: Thời gian đã phê duyệt năm 2021-2024 điều chỉnh sang năm 2023-2026.

Các nội dung khác không điều chỉnh: Thực hiện theo các Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 và số 52/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 của HĐND tỉnh.

b) Vía hè đường Hùng Vương (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Điện Biên Phủ) (Tờ trình số 220/TTr-UBND ngày 18/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

- **Lý do điều chỉnh, căn cứ pháp lý:** Dự án Vía hè đường Hùng Vương (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Điện Biên Phủ) được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 21/04/2020, số 31/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 của HĐND tỉnh. Để tạo sự đồng bộ kết cấu hạ tầng, mỹ quan đô thị việc đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; đồng thời tranh thủ nguồn vốn dư của Dự án GMS và phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban ngành liên quan thực hiện khảo sát, đánh giá và báo cáo tổng thể phương án đầu tư chỉnh trang hoàn thiện toàn bộ tuyến đường Hùng Vương (phần còn lại với chiều dài khoảng 5,0km, tổng mức đầu tư khoảng 127.000 triệu đồng, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đã có Công thư ngày

28/10/2022 chấp thuận gia hạn khoản vay dự án GMS đến ngày 31/12/2023 và Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã có Văn bản số 7707/BKHĐT-KTĐT ngày 27/10/2022 trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh gia hạn thời gian đóng khoản vay Dự án GMS đến ngày 31/12/2023) là phù hợp với quy định của Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

- Nội dung điều chỉnh

+ *Về tên gọi*: Điều chỉnh “đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Điện Biên Phủ” thành “đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Lý Thường Kiệt”.

+ *Nội dung*: Có 5/8 nội dung đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung; sau điều chỉnh, bổ sung dự án có chiều dài tuyến 1,3 km (giảm 1 km), với tổng mức đầu tư 41,164 tỷ đồng (tăng 26,264 tỷ đồng) so với Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 của HĐND tỉnh. Có 2 nội dung có tính chất thông tin như nhóm dự án, đơn vị lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư không điều chỉnh. Không thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư mà ban hành nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 của HĐND tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã có báo cáo bổ sung làm rõ nội dung theo yêu cầu tại các văn bản số 6007/UBND - TH ngày 24/11/2022 về việc làm rõ một số nội dung liên quan đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án vỉa hè đường Hùng Vương (đoạn từ Ngô Quyền đến đường Điện Biên Phủ) và văn bản số 6088/UBND - TH ngày 29/11/2022 về việc bổ sung một số nội dung dự án vỉa hè đường Hùng Vương (đoạn từ Ngô Quyền đến đường Điện Biên Phủ) và Văn bản số 6261/UBND-TH ngày 06/12/2022 của UBND tỉnh về việc báo cáo giải trình nội dung liên quan đến dự án Vỉa hè đường Hùng Vương (đoạn Ngô Quyền - Điện Biên Phủ).

2. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án

a) Lát vỉa hè các tuyến đường còn lại Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 1 (Tờ trình số 228/TTr-UBND ngày 21/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đầu tư dự án Lát vỉa hè các tuyến đường còn lại Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 1 nhằm chỉnh trang, hoàn thiện cơ sở hạ tầng Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 1 theo quy hoạch được duyệt; đảm bảo đồng bộ hạ tầng, vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị. Tổng mức đầu tư 28.895 triệu đồng; cơ cấu nguồn vốn từ nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất của tỉnh; địa điểm xây dựng tại Phường Đông Lương, thành phố Đông Hà; thời gian thực hiện năm 2023 - 2025.

b) Xây dựng chỉnh trang, hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 2 (Tờ trình số 224/TTr-UBND ngày 21/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đầu tư dự án Xây dựng chỉnh trang, hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng khu

đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 2 nhằm chỉnh trang, hoàn thiện cơ sở hạ tầng Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 2 đồng bộ về hạ tầng, đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị, góp phần đưa thành phố Đông Hà đạt các tiêu chí của đô thị loại II. Tổng mức đầu tư 38.692 triệu đồng; cơ cấu nguồn vốn từ nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất của tỉnh; địa điểm xây dựng tại Phường Đông Lương, thành phố Đông Hà; thời gian thực hiện năm 2023 - 2025.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh báo cáo bổ sung tại kỳ họp và bổ sung vào Dự thảo Nghị quyết cụ thể các tuyến đường thực hiện đầu tư của 02 dự án: Dự án Lát vỉa hè các tuyến đường còn lại Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 1 và dự án Xây dựng chỉnh trang, hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 2.

Nội dung 02 tờ trình đề nghị phê duyệt và điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị Nam Đông Hà và dự án Xây dựng chỉnh trang, hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 2 phù hợp với các quy định của pháp luật về đầu tư công³, các văn bản hướng dẫn hiện hành, Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của HĐND tỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021- 2025 của tỉnh, khả năng cân đối nguồn vốn của địa phương để hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu đô thị thành phố Đông. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua. Riêng đối với dự án Vỉa hè đường Hùng Vương (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Điện Biên Phủ) và Dự án Lát vỉa hè các tuyến đường còn lại Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 1 do chưa có sự đồng bộ về điều chỉnh vật liệu lát vỉa hè từ đá tự nhiên sang gạch Terrazzo theo kết luận tại phiên họp Thường trực HĐND tỉnh thứ 25 đề nghị HĐND tỉnh chưa thông qua tại kỳ họp này.

III. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 3) nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất do tỉnh quản lý (Tờ trình số 234/TTr-UBND ngày 21/11/2021 của UBND tỉnh).

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở tại thành phố Đông Hà do Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh thực hiện)

Điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (đã giao tại Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của HĐND tỉnh) của 03 dự án với số tiền 79.769 triệu đồng để bố trí tăng vốn kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 của 10 dự án và nhiệm vụ quy hoạch với tổng số vốn đề nghị tương ứng 50.878 triệu đồng. Riêng Dự án Lát vỉa hè các tuyến đường còn lại Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 1, với tổng mức đầu tư 28.891 triệu đồng sẽ được HĐND tỉnh bố trí khi đủ điều kiện.

³ Luật đầu tư công 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công

2. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở tại thành phố Đông Hà do Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh thực hiện)

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất (nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở) đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 là 2.250.000 triệu đồng. Năm 2021 Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện vượt thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất là 27.234 triệu đồng so với kế hoạch được giao, việc đề nghị HĐND tỉnh bổ sung kế hoạch trung hạn để tổ chức thực hiện là phù hợp, đúng quy định; riêng dự án Vía hè đường Hùng Vương (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Điện Biên Phủ) điều chỉnh sau khi đủ điều kiện. Sau bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất (nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở) là 2.277.234 triệu đồng.

IV. Thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022 và kế hoạch đầu tư công năm 2023 (Báo cáo số 241/BC-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh)

1. Tình hình phân bổ và giải ngân vốn đầu tư XDCB năm 2022

Kế hoạch đầu tư công do tỉnh quản lý năm 2022 được Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh là 3.642,222 tỷ đồng; trong đó kế hoạch được giao từ đầu năm là 2.798,93 tỷ đồng⁴; kế hoạch thực hiện 03 Chương trình MTQG được giao bổ sung là 415,492 tỷ đồng⁵; kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2022 được giao bổ sung là 247,8 tỷ đồng⁶.

Kế hoạch đầu tư công do tỉnh quản lý năm 2022 được HĐND tỉnh giao là 4.122,222 tỷ đồng, bằng 113% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; trong đó: Kế hoạch được giao đầu năm là 3.458,93 tỷ đồng, bằng 116% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao⁷; kế hoạch thực hiện 03 Chương trình MTQG giao bổ sung là 415,492 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2022 giao bổ sung là 247,8 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

Kế hoạch đầu tư công do tỉnh quản lý năm 2022 được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết là 4.075,9 tỷ đồng, bằng 98,8% kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh giao. Kế hoạch chưa phân bổ là 46,622 tỷ đồng từ nguồn bội chi ngân sách địa phương do phân bổ theo tiến độ thực hiện của các dự án ODA.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất kết quả đánh giá tình hình thực hiện và tiến độ giải ngân vốn đầu tư XDCB năm 2022 do tỉnh quản lý.

⁴ Tại Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ

⁵ Tại Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ

⁶ Tại Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 12/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ

⁷ Trong đó: ngân sách địa phương 1.718,91 tỷ đồng và ngân sách trung ương 1.740,02 tỷ đồng.

2. Dự kiến phân bổ các nguồn vốn đầu tư kế hoạch 2023

a) Nguồn vốn Trung ương

- Đối với nguồn vốn trong nước bố trí 1.350,817 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch 2023 Trung ương dự kiến để bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và theo ngành lĩnh vực, các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đối với nguồn vốn nước ngoài bố trí 409,916 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch 2023 Trung ương dự kiến. Phương án bố trí ưu tiên tập trung bố trí vốn cho các dự án kết thúc Hiệp định trong năm 2023; dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023 theo tiến độ phê duyệt; số vốn còn lại mới bố trí cho các dự án mới đã ký Hiệp định và có khả năng giải ngân trong năm 2022.

b) Nguồn vốn địa phương: Nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh là 1.334,12 tỷ đồng, trong đó: Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước là 416,312 tỷ đồng; đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 800 tỷ đồng; đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 40 tỷ đồng (Báo cáo điều chỉnh tại Văn bản số 6163/UBND-TH ngày 02/12/2022); đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương là 72,7 tỷ đồng.

c) Giải pháp tổ chức thực hiện

Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất các nhóm giải tại Báo cáo số 241/BC-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh trình kỳ họp và đề xuất thêm một số nội dung sau:

- Tập trung hỗ trợ để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án động lực, dự án trọng điểm; rà soát tái cơ cấu lại các dự án hết thời gian gia hạn, tiến hành đóng dự án theo quy định.

- Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng bàn giao cho các chủ đầu tư, các đơn vị thi công triển khai các dự án theo tiến độ. Giải quyết được nhu cầu, công tác quản lý giá vật liệu xây dựng thông thường, đất đắp cho các công trình/ dự án đang thi công.

- Đề nghị UBND tỉnh nghiêm túc kiểm điểm trách nhiệm, liên đới trách nhiệm các chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án, các địa phương, đơn vị có liên quan; sau khi xác định rõ tồn tại, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân không hoàn thành tiến độ triển khai dự án khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không thực hiện giải ngân không hết vốn theo kế hoạch đã được HĐND tỉnh, Chính phủ giao; chỉ đạo các chủ đầu tư không tiến hành hợp đồng đối với các đơn vị tư vấn phải điều chỉnh dự án nhiều lần.

Phần 4. Các đề án, tờ trình

I. Quy định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù (Tờ trình số 233/TTr-UBND ngày 21/11/2021 của UBND tỉnh)

Việc đề nghị Ban hành Quy định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2021- 2025 theo đề nghị của UBND tỉnh phù hợp với Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG. Sau khi rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020. Các tỷ lệ quy định cho các vùng và các CTMTQG do UBND tỉnh trình dựa trên cơ sở đề xuất tỷ lệ số lượng dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 của UBND các huyện, thị xã; ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc tỉnh, Sở Lao động TBXH. Từ đó xây dựng tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù cho các địa phương là phù hợp; cụ thể số lượng tuyệt đối các công trình (phụ lục kèm theo) như sau: Đối với Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có 474 công trình; trong đó dự kiến có 128 công trình đặc thù, chiếm 27%. Đối với Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững có 99 công trình; trong đó dự kiến có 32 công trình đặc thù, chiếm 32%. Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới có 221 công trình; trong đó dự kiến có 93 công trình đặc thù, chiếm 42%.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh báo cáo đánh giá bổ sung kết quả thực hiện tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; sau khi có báo cáo bổ sung, làm rõ của UBND tỉnh, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua.

II. Quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Tờ trình số 236/TTr-UBND ngày 21/11/2021 của UBND tỉnh)

a) Căn cứ pháp lý, tính phù hợp, thẩm quyền

Quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh phù hợp các quy định pháp luật, các văn bản hướng dẫn hiện hành và tình hình thực tế địa phương; thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh được quy định tại Điều 8, 9, 10, 14, 20 và 26 của Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính⁸ với 06 nội dung chính theo các hướng dẫn của Bộ ngành chủ quản Trung ương về thực hiện Chương trình MTQG NTM giai đoạn 2021-2025. Đã tổ chức lấy ý kiến, tiếp thu đồng thuận của các ngành liên quan và chính quyền địa phương cấp huyện.

b) Nội dung và kiến nghị

Đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua quy định 06 nội dung hỗ trợ⁹ bằng mức tối đa theo các hướng dẫn của Bộ ngành chủ quản Trung ương; trong

⁸ Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

⁹ Gồm: (1. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; 2. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn; 3. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp; 4. Chi phát triển tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn; bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; 5. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; 6. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở).

đó, tích hợp một phần của 03 tiêu nội dung hỗ trợ¹⁰ đang áp dụng theo các Nghị quyết chuyên đề của HĐND tỉnh¹¹ để kịp thời triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ của Chương trình MTQG NTM trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Nguồn kinh phí: Đề nghị UBND tỉnh bổ sung dự kiến cơ cấu nguồn vốn để bố trí cho các nội dung hỗ trợ Chương trình MTQG NTM giai đoạn 2021-2025 (nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương hỗ trợ, nguồn ngân sách địa phương và nguồn đóng góp, hỗ trợ khác).

III. Quy định nội dung, mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (Tờ trình số 237/TTr-UBND ngày 21/11/2021 của UBND tỉnh)

a) Căn cứ pháp lý, tính phù hợp và thẩm quyền: Quy định về nội dung, mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh là cơ sở để tổ chức thực hiện các nội dung cụ thể của các chương trình MTQG; cơ bản phù hợp với quy định tại điểm d, khoản 1 điều 40 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 29/4/2022 của Chính phủ; khoản 3, điều 11 và điều 12 của Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính¹². Thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; đã tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn, địa phương, được Sở tư pháp thẩm định đủ điều kiện trình HĐND tỉnh.

b) Về tên gọi nghị quyết: Đề nghị HĐND tỉnh bỏ cụm từ “mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ” để phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 14 và khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi năm 2020.

c) Về nội dung: Việc quy định về nội dung, định mức hỗ trợ với 3 nội dung chính¹³ tại dự thảo Nghị quyết theo quy định tại điều 21, điều 22 và điều 23 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 29/4/2022 của Chính phủ. Về “mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ” áp dụng theo quy định cho từng nội dung hỗ trợ khi được HĐND tỉnh thống nhất thông qua.

¹⁰ Chi hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ áp dụng KHK, công nghệ mới vào một số công đoạn sản xuất kết hợp với sử dụng kỹ thuật, công nghệ truyền thống theo NQ 163/2021/NQ-HĐND. Chi cải tiến thiết kế mẫu mã, nâng cao chất lượng, tìm kiếm thị trường tiêu thụ SP theo NQ 162/2021/NQ-HĐND. Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và SP du lịch nông thôn mang đặc thù vùng miền theo NQ 12/2022/NQ-HĐND.

¹¹ Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực 2022-2026; số 163/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về CS ứng dụng, nhân rộng các kết quả KHCN giai đoạn 2021-2025; số 12/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 về CS hỗ trợ PT du lịch giai đoạn 2022-2030.

¹² Quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán KP sự nghiệp từ nguồn NSTW thực hiện CT MTQG XD NTM giai đoạn 2021-2025.

¹³ Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

d) Kiến nghị HĐND tỉnh: Đề nghị UBND tỉnh báo cáo đánh giá bổ sung thêm những kết quả đạt được và tồn tại trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh¹⁴ để HĐND tỉnh có thêm cơ sở xem xét quyết định thay thế nghị quyết này. Đồng thời báo cáo bổ sung dự kiến nguồn kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025 và cơ cấu nguồn vốn cần bố trí cho từng nội dung hỗ trợ.

IV. Quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2022- 2025 (Tờ trình số 231/TTr-UBND ngày 21/11/2021 của UBND tỉnh)

Việc đề nghị HĐND tỉnh ban hành nghị quyết quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2022- 2025 là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; giải quyết một số vấn đề còn tồn tại, bất cập của Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 và Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016.

Quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2022- 2025 làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu nông thôn mới; các nội dung, mức hỗ trợ lãi suất vay đã được các cơ quan chuyên môn, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham gia ý kiến và đã được cơ quan soạn thảo tiếp thu giải trình, cơ quan thẩm định thống nhất.

Để có thêm cơ sở bố trí vốn hàng năm, đề UBND tỉnh báo cáo bổ sung dự kiến nguồn kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2025 và cơ cấu nguồn vốn. Sau khi có báo cáo của UBND tỉnh, đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua.

V. Đề án đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2025 (Tờ trình số 229/TTr-UBND ngày 21/11/2021 của UBND tỉnh)

a) Căn cứ pháp lý, tính phù hợp, thẩm quyền: Đề án tổng thể đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023 - 2025 trình Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định khoản 2, điều 1 của Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về cơ chế tài chính xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị¹⁵; phù hợp với thẩm quyền HĐND tỉnh theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương¹⁶; đã tổ chức lấy

¹⁴ về khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

¹⁵ Giao UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng Đề án tổng thể đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên chung cho toàn tỉnh; trong đó phân cấp thực hiện nhiệm vụ (Tỉnh/huyện/xã) trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định để chủ động trong điều hành ngân sách.

¹⁶ Điều c, khoản 1, điều 19 của Luật TCCQP 2015 quy định HĐND tỉnh quyết định biện pháp để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp; quyết định việc phân cấp cho chính quyền cấp huyện, cấp xã, cơ quan nhà nước cấp dưới thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở tỉnh.

ý kiến của các cơ quan cấp tỉnh và cấp huyện trước khi trình HĐND tỉnh.

b) Nội dung, mục tiêu, phạm vi đề án.

- Nội dung (*Xây dựng lưới địa chính; đo vẽ lại bản đồ địa chính; đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính; đo đạc chỉnh lý riêng từng thửa đất; cấp giấy chứng nhận QSD đất; xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính tại 125 đơn vị cấp xã và huyện đảo Côn Cỏ*) chỉ xây dựng lại quy định các nhiệm vụ của cấp huyện; chưa đề xuất biện pháp giải quyết hồ sơ tồn đọng kể từ năm 2022 trở về trước; chưa xác định nhiệm vụ của cấp tỉnh và cấp xã trong việc tham gia thực hiện đề án là chưa tuân thủ nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Dự thảo nghị quyết: Chưa đề cập đến mục tiêu cần đạt được, nội dung nghị quyết chưa cụ thể, bao quát để HĐND tỉnh xem xét

c) Kiến nghị: Đề án mới chỉ xác lập nhiệm vụ cấp huyện thực hiện từ nguồn thu 10% tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; chưa đề cập đến nhiệm vụ sử dụng nguồn thu 10% tiền sử dụng đất, tiền thuê đất **cấp tỉnh** quản lý theo cơ chế đã được quyết định tại Nghị quyết 111/2021/NQ- HĐND của HĐND tỉnh. Vì vậy đề nghị HĐND tỉnh chưa thông qua lần này và đề nghị UBND tỉnh bổ sung các nội dung sau đây để hoàn chỉnh trình kỳ họp HĐND sắp tới:

- Bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung chính cần đạt được trong công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và chỉnh lý biên động hồ sơ địa chính thường xuyên trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025, không quy định đính kèm đề án vào dự thảo nghị quyết.

- Thực trạng quản lý, kết quả thực hiện việc đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và chỉnh lý biên động hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh từ năm 2022 trở về trước. Xác định nhiệm vụ còn lại, đề xuất giải pháp thực hiện của cấp tỉnh/ huyện/ xã giai đoạn 2023-2025. Giải trình lý do tại sao không quy định nhiệm vụ cụ thể theo phân cấp tỉnh/ huyện/ xã quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh¹⁷.

VI. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 21/11/2021 của UBND tỉnh)

Việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh (gồm 31 dịch vụ chi tiết thuộc 9 nhóm lĩnh vực: quản lý đất đai; đo đạc bản đồ và viễn thám; địa chất và khoáng sản; tài nguyên nước; môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu; quản lý tổng hợp tài nguyên môi trường biển và hải đảo; dịch vụ khác) là phù hợp với các quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn hiện hành và tình hình thực tế địa phương;

¹⁷ “Giao UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng đề án tổng thể về đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và biên động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên chung cho toàn tỉnh, trong đó có phân cấp thực hiện theo nhiệm vụ (tỉnh/ huyện/ xã) đề chủ động trong điều hành ngân sách”

đúng thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 4 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thông qua; khi Trung ương có hướng dẫn mới, đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

VII. Dừng thực hiện Nghị quyết 02/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh về việc mua trang thiết bị, sinh phẩm, hóa chất, thuốc, vật tư y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid 19 đợt 2 năm 2022 (Tờ trình số 219/TTr-UBND ngày 15/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết 02/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh về việc mua trang thiết bị, sinh phẩm, hóa chất, thuốc, vật tư y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid 19 đợt 2 năm 2022. Tuy nhiên, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 tại tỉnh Quảng Trị cơ bản được kiểm soát do đó nhu cầu sử dụng trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm, thuốc, hóa chất phục vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 giảm, nên vật tư, sinh phẩm, hóa chất vẫn còn dự trữ tại Sở Y tế và các đơn vị cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh. Qua kiểm tra dự toán kinh phí mua sắm vật tư y tế phục vụ phòng chống dịch bệnh Covid-19 năm 2022 phân bổ đầu năm của Sở Y tế, đến nay dự toán chi mua sắm phòng chống dịch Covid-19 của một số đơn vị đang còn dư (*Văn phòng Sở Y tế và Trung tâm kiểm soát bệnh tật*). Do đó, để đảm bảo phù hợp với tình hình phòng, chống dịch bệnh Covid-19 thực tế trên địa bàn tỉnh cũng như đảm bảo nguồn tài chính cho điều hành ngân sách địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất dừng thực hiện Nghị quyết 02/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 theo đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 219/TTr-UBND ngày 15/11/2022.

VIII. Chủ trương mua sắm vật tư, hóa chất, sinh phẩm y tế năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh (Tờ trình số 252/TTr-UBND ngày 06/12/2022 của UBND tỉnh).

Ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh ban hành nghị quyết về chủ trương mua sắm vật tư, hóa chất, sinh phẩm y tế năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh phù hợp với quy định Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các hướng dẫn hiện hành. Đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 và số 100/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Về nội dung, trình tự, thủ tục của 4 gói thầu năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị, trị giá 178.787.438.698 đồng gồm: Vật tư can thiệp nội mạch (có 194 phần) trị giá 77.417.308.000 đồng; vật tư y tế thông thường (có 305 phần) trị giá 40.889.987.280 đồng; vật tư y tế dùng trong lĩnh vực ngoại khoa (có 89 phần) trị giá 19.609.605.000 đồng; hóa chất, vật tư dùng trong xét nghiệm và sinh phẩm y tế (có 466 phần) trị giá 40.870.538.418 đồng đã được Sở

Y tế thẩm định, xin phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm vật tư, hóa chất, sinh phẩm y tế năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 Quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập, kính đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua, để thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định.

IX. Danh mục dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác (Tờ trình số 225/TTr-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh)

a) UBND tỉnh chấp thuận chủ trương thu hồi 47,78 ha đất để thực hiện 30 dự án¹⁸; chuyển mục đích sử dụng 6,56 ha đất. Trong đó: Đất trồng lúa 5,85 ha, đất rừng phòng hộ 0,71 ha để thực hiện 6 dự án khác.

b) Qua rà soát danh mục, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị:

- Dự án di dời tái định cư thôn Cuôi, tri diện tích: 12 ha (Cha Lý cũ xã Hướng Lập), đã được thu hồi tại Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 16/7/2021. Vì vậy, đề nghị đưa ra khỏi danh mục chấp thuận thu hồi đất lần này;

- Dự án Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng đã được HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương thu hồi đất 130 ha tại xã Hải Ba và xã Hải An tại Nghị quyết số 140/NQ-HĐND ngày 31/8/2021. Tuy nhiên, theo Quyết định phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 của Dự án sử dụng diện tích 148,24 ha nên nhà đầu tư đề nghị bổ sung chấp thuận thêm 18,24 ha, đủ diện tích theo Đồ án quy hoạch được duyệt. Hiện nay, Giấy chứng nhận đầu tư Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư vẫn giữ nguyên diện tích 120,36 ha; chưa được điều chỉnh. Để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư đề nghị HĐND chấp thuận. Đồng thời UBND tỉnh chỉ đạo điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư phù hợp.

- Điều chỉnh lại chủ đầu tư thực hiện các dự án về: Điểm trường mầm non, điểm trường tiểu học và trung học cơ sở, nhà sinh hoạt cộng đồng ở xã Hướng Linh là UBND huyện Hướng Hóa thay cho Công ty CP điện gió Phong Liệu so với Tờ trình của UBND tỉnh.

X. Quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, chuyển loại rừng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh (Tờ trình số 235/TTr-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh)

Hồ sơ và trình tự thủ tục đề nghị chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện 2 dự án¹⁹, với tổng diện tích là 9,3176 ha (rừng sản xuất 9,3176 ha) được thực hiện đầy đủ theo quy định tại Điều 20 của Luật Lâm nghiệp năm 2017; khoản 3 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Lâm nghiệp năm 2017; Nghị

¹⁸ . Tại 4 đơn vị: Đông Hà, Gio Linh, Hướng Hóa, Hải Lăng

¹⁹ Gồm Dự án Trang trại chăn nuôi công nghệ cao khép kín Vĩnh Hà, diện tích rừng trồng chuyển đổi là 8,8944 ha. Dự án Cơ sở hạ tầng Khu đô thị phía Đông hồ Đập Thanh, thị trấn Diên Sanh, diện tích rừng trồng chuyển đổi là 0,4232 ha

định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Các dự án đã có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp có thẩm quyền phê duyệt; được phê duyệt báo cáo tác động môi trường, tham vấn cộng đồng được sự đồng thuận của dân cư, được hội đồng thẩm định chủ trương CMĐSDR tỉnh thống nhất. Vì vậy, đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua 02 dự án trên. Sau khi HĐND tỉnh thông qua nghị quyết, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo chủ đầu tư hoàn thiện thủ tục nộp tiền trồng rừng thay thế trước khi tổ chức GPMB; đồng thời xây dựng phương án trồng rừng thay thế kịp thời để đảm bảo duy trì độ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh.

XI. Điều chỉnh quy hoạch mở đất làm vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 (Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh)

Việc điều chỉnh đưa mở đất Hải Lệ 3 (thuộc dự án công trình Nghĩa trang nhân dân thị xã Quảng Trị) tại xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị với diện tích 6,3 ha ra khỏi quy hoạch mở đất làm vật liệu san lấp để lập các thủ tục thực hiện dự án Nghĩa trang nhân dân thị xã là phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh. Đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua.

XII. Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu Dịch vụ - Du lịch Cửa Việt (giai đoạn 2) tại Tờ trình số 253/TTr-UBND ngày 06/12/2022 của UBND tỉnh

Việc đề nghị HĐND tỉnh thông qua Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu Dịch vụ - Du lịch Cửa Việt (giai đoạn 2) phù hợp quy định Luật Quy hoạch năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018 và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Đúng thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật xây dựng ngày 18/6/2014 và khoản 5 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 28 và khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.

Nội dung quy hoạch phân khu được thực hiện trên cơ sở Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1936/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2016, với tính chất là Khu Dịch vụ - Du lịch, vui chơi giải trí, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật hài hoà với cảnh quan tự nhiên, bền vững thân thiện với môi trường, góp phần tạo động lực phát triển cho vùng Đông Nam Quảng Trị - tỉnh Quảng Trị. Mật độ xây dựng khu vực Dịch vụ - du lịch tối đa 25%; tầng cao xây dựng tối đa 15 tầng; hệ số sử dụng đất 3,75. Tổng diện tích quy hoạch 17,92ha, trong đó: Đất dịch vụ - du lịch quy mô 13,45ha, tỷ lệ 75,06%; đất cây xanh - mặt nước, đất giao thông quy mô 4,47ha, tỷ lệ 24,94%. Định hướng tổ chức không gian phát triển các dịch vụ du lịch và hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật tương ứng đã được các cơ quan chuyên thẩm định.

Đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua, giao UBND tỉnh thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định.

Phần 5. Các báo cáo chuyên đề

I. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về việc quản lý, sử dụng đất trên địa bàn tỉnh (Báo cáo số 240/BC-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh)

Việc các Công ty lâm nghiệp bàn giao đất lại cho địa phương quản lý được HĐND tỉnh xác định “Trong quá trình thực hiện cổ phần hóa các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp, dành 15-20% diện tích có khả năng canh tác nhằm cân đối giải quyết những nhu cầu sản xuất thiết yếu của người dân vùng phụ cận, qua đó khắc phục tình trạng thiếu đất sản xuất trong dân. Sau khi nhận bàn giao lại đất của các Công ty lâm nghiệp, nghiêm cấm các địa phương giao sai mục đích, sai đối tượng”. UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, xây dựng phương án bàn giao đất trao trả về địa phương 6.692,74 ha²⁰ so với tổng diện tích 20.505,683 ha trước đây các đơn vị quản lý, chiếm 32,63% (Công ty TNHH 1TV Triệu Hải 19,53%, Công ty TNHH 1TV Đường 9 là 44,13%; Công ty TNHH 1TV Bến Hải 31,28%); phương án các đơn vị để lại sản xuất kinh doanh 13.812,943 ha²¹ (67,37%). Tuy nhiên, tỷ lệ diện tích đất đã có quyết định thu hồi bàn giao về địa phương chỉ đạt 2.404,74 ha/6.692,74, chiếm 35,93% so với phương án bàn giao của các đơn vị (Công ty TNHH 1TV Triệu Hải 88,62%, Công ty TNHH 1TV Đường 9 là 43%, Công ty TNHH 1TV Bến Hải chỉ 8,29%) và chỉ bằng 11,72% tổng diện tích đơn vị quản lý so với quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh (15-20%); trong đó, Công ty Triệu Hải 856,94 ha (17,027%), Công ty Đường 9 là 1.325,1 (19,23%,) Công ty Bến Hải 222,7 ha (chỉ 2,6%). Một số diện tích bàn giao lại cho địa phương quản lý nằm ở vùng sâu, vùng xa; đất đang bị tranh chấp hoặc đất đang bị người dân xâm canh. Do vậy, đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các địa phương khẩn trương thực hiện hoàn thành công tác đo đạc, lập hồ sơ thu hồi đất, lập phương án sử dụng đất đối với diện tích dự kiến bàn giao còn lại cho địa phương quản lý (đối với phần diện tích đất của Công ty Triệu Hải và Đường 9) để ban hành quyết định thu hồi đất bàn giao lại cho địa phương. Riêng tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bến Hải mới bàn giao về địa phương 222,7 ha, chỉ đạt 2,6% tổng diện tích đơn vị đang quản lý (8.582,2 ha), không đảm bảo theo mục tiêu theo Nghị quyết của HĐND tỉnh. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Công ty Lâm nghiệp Bến Hải thực hiện nghiêm túc nghị quyết của HĐND tỉnh đẩy nhanh tiến độ chỉ đạo rà soát xử lý các vướng mắc về phần diện tích đất rừng tự nhiên, phần diện tích người dân đang sử dụng để bóc tách để sớm bàn giao cho các đơn vị, địa phương quản lý theo kế hoạch (2.684,3 ha) trước khi thực hiện phương án chuyển đổi cổ phần hóa.

UBND tỉnh chưa đề cập kết quả thực hiện việc ban hành dự án thuộc ngành

²⁰. Công ty Triệu Hải 966,94 ha (chiếm 19,53%), Cty Đường 9 là 3.041,5 ha (44,13%), Bến Hải là 2.684,3 ha (31,28%).

²¹. Triệu Hải 4.065,83 ha; Đường 9 là 3.849,213 ha, Bến Hải 5.897,9 ha.

nghe tạm dừng thu hút đầu tư; ban hành quy định tỷ suất vốn đầu tư/ha phù hợp với tình hình mới trong khu công nghiệp, khu kinh tế và khu du lịch; xem xét lại việc dừng cấp phép xây dựng các nhà máy gỗ dăm phù hợp với vùng nguyên liệu trên địa bàn và thị trường mua bán gỗ dăm hiện nay; rà soát, kiểm tra xử lý dứt điểm toàn bộ diện tích đất của các dự án sử dụng sai mục đích, kéo dài quá thời hạn. Kết quả rà soát 5.331 ha đất lâm nghiệp đang liên doanh, liên kết, cho mượn, đất đang bị lấn chiếm trái phép; rà soát, tách bóc toàn bộ đất rừng phòng hộ 3.156 ha, diện tích đất quy hoạch dự án Khu định canh, định cư ra khỏi diện tích đất quản lý của các Công ty lâm nghiệp; bóc tách diện tích đất sản xuất của hộ gia đình xen canh ra khỏi quy hoạch đất của các Ban Quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Đề nghị báo cáo bổ sung tại kỳ họp.

II. Tình hình Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Báo cáo số 253/BC-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh)

Trong giai đoạn 2026 - 2020 tỉnh Quảng Trị đã tiến hành cổ phần hóa 04 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần²² theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Có 5 doanh nghiệp nhà nước thoái vốn trong giai đoạn 2017-2021, gồm: Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị đã hoàn thành việc thoái vốn với tỷ lệ 43,52%, tỷ lệ phần vốn nhà nước còn nắm giữ hiện nay là 51%; Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị đã hoàn thành việc thoái vốn với tỷ lệ 28,66%, tỷ lệ phần vốn nhà nước còn nắm giữ hiện nay là 22,6%; Công ty cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông Quảng Trị đã hoàn thành việc thoái vốn với tỷ lệ 30%, tỷ lệ phần vốn nhà nước còn nắm giữ hiện nay là 0%; Công ty cổ phần Tân Hưng Quảng Trị đã hoàn thành việc thoái vốn với tỷ lệ 30%; tỷ lệ phần vốn nhà nước còn nắm giữ hiện nay là 0%; Công ty Cổ phần Môi trường và Đô thị Đông Hà thực hiện thoái vốn với tỷ lệ 19,36%, nhưng không có nhà đầu tư nào tham gia đấu giá; tỷ lệ phần vốn nhà nước còn nắm giữ hiện nay là 55,38%; Công ty cổ phần Cảng Cửa Việt, nhà nước nắm giữ 96,96 % cổ phần. Có 2 doanh nghiệp nhà nước duy trì mô hình Công ty TNHH MTV (không thực hiện cổ phần hóa) theo quy định tại Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ: Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Trị; Công ty TNHH MTV quản lý khai thác Công trình Thủy lợi Quảng Trị. Các Công ty lâm nghiệp của tỉnh thực hiện chủ trương cổ phần hóa rất chậm, đến nay vẫn chưa hoàn thành theo đúng kế hoạch ban đầu do một số nguyên nhân: (i) Đối với diện tích đất rừng sản xuất mà các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp xử lý tài sản trên đất (cây rừng) thì thời gian chuyển giao sẽ kéo dài do phải khai thác cây theo lộ trình; (ii) Tình trạng xâm canh, xâm lấn đất lâm nghiệp trong phạm vi ranh giới của các Công ty Lâm nghiệp chưa được xử lý dứt điểm. Từ những thuận lợi, khó khăn nêu trên, đề nghị UBND tỉnh tiếp tục tập trung chỉ đạo đẩy

²² Công ty TNHH MTV nước sạch Quảng Trị chuyển thành Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị; Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị chuyển thành Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị; Công ty TNHH MTV Môi trường và Đô thị Đông Hà chuyển thành Công ty cổ phần Môi trường và Đô thị Đông Hà; Công ty TNHH MTV Cảng Cửa Việt chuyển thành Công ty cổ phần Cảng Cửa Việt.

nhanced tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo quy định.

Phần 6. Các dự thảo nghị quyết

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh được phân công thẩm tra 19 dự thảo nghị quyết cá biệt, 3 dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật. Các nội dung thẩm tra đã nêu tại Báo cáo này, khi được Chủ tọa kỳ họp kết luận thống nhất đề nghị bổ sung vào nghị quyết của HĐND tỉnh.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đại biểu dự họp;
- Lưu: Ban KTNS, VT.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Đăng Ánh

